

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101 /CBTT-HEM

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Mã chứng khoán: HEM

- Địa chỉ: Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 02437655510

Fax: 02437655509

- E-mail: taichinhketoanhem@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/04/2021 tại đường dẫn: <http://hem.vn/dai-hoi-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thanh Yến

Số: 06 /2021/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 28/ 06/ 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 31 /03 /2021,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Duyệt chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua như sau:

- Thời gian tổ chức Đại hội: 08h30 ngày 22 tháng 04 năm 2021.
- Địa điểm: Trụ sở Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội.

Thời gian	Nội Dung
8h00-8h30	Đón tiếp, đăng ký đại biểu và phát tài liệu
8h30-9h00	Tuyên bố lý do, khai mạc Đại hội
	Báo cáo kiểm tra Thủ tục triệu tập Đại hội và tư cách cổ đông tham dự Đại hội
	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội
	Giới thiệu Đoàn Thư ký
	Bầu Ban kiểm phiếu
	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội
9h00-10h30	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2021
	Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động 2021
	Tờ trình 01: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán
	Tờ trình 02: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020
	Tờ trình 03: Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021
	Tờ trình 04: Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021
	Tờ trình 05: v/v thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX
	Tờ trình 06: v/v cho phép Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX nâng tỉ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai
	Tờ trình 07: v/v Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; sửa đổi bổ sung Điều



	lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS.
	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo; tờ trình của HĐQT
10h30-11h00	Bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026
11h00-11h45	Thông qua dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội
11h45	Bế mạc Đại hội.

Điều 2. Duyệt các báo cáo, tờ trình để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và các tài liệu khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của HEM cụ thể như sau:

- Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động 2021;
- Tờ trình 01: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Tờ trình 02: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Tờ trình 03: Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình 04: Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021;
- Tờ trình 05: v/v thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX;
- Tờ trình 06: v/v cho phép Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX nâng tỉ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai ;
- Tờ trình 07: v/v Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Các tài liệu khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của HEM;

Chi tiết các báo cáo, tờ trình và tài liệu nêu trên được đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các đơn vị trong Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN TRỌNG TRUNG





**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

- Thời gian tổ chức Đại hội: 08h30 ngày 22 tháng 04 năm 2021.
- Địa điểm: Trụ sở Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội.

Thời gian	Nội Dung
8h00-8h30	Đón tiếp, đăng ký đại biểu và phát tài liệu
8h30-9h00	Tuyên bố lý do, khai mạc Đại hội Báo cáo kiểm tra Thủ tục triệu tập Đại hội và tư cách cổ đông tham dự Đại hội Giới thiệu Chủ tọa Đại hội Giới thiệu Đoàn Thư ký Bầu Ban kiểm phiếu Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội
9h00-10h30	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động 2021 Tờ trình 01: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán Tờ trình 02: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 Tờ trình 03: Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 Tờ trình 04: Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021 Tờ trình 05: v/v thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX Tờ trình 06: v/v cho phép Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX nâng tỉ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai Tờ trình 07: v/v Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS. Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo; tờ trình của HĐQT
10h30-11h00	Bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026
11h00-11h45	Thông qua dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội
11h45	Bế mạc Đại hội.

Số: 04 /BC – TGD

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, việc thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh và thiên tai bão lũ đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu của thị trường. Theo đó, áp lực cạnh tranh của thị trường trong nước gia tăng mạnh, hàng động cơ truyền thống - sản phẩm chính của công ty cũng bị ảnh hưởng.

Trong năm, với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Công ty trong điều hành sản xuất kinh doanh, sự đoàn kết và nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên, HEM đã hoàn thành việc tái cấu trúc, ổn định dây chuyền sản xuất và sắp xếp lao động phù hợp với mô hình tổ chức công ty. Sau khi nhận sáp nhập Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungary, HEM tổ chức rà soát, lựa chọn thiết kế sản phẩm tối ưu; sắp xếp lại mặt bằng, dây chuyền sản xuất; xử lý hàng tồn kho lâu, thiết kế lạc hậu, không phù hợp với định hướng của Công ty; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo an toàn trong công tác tài chính; cơ cấu tổ chức lại bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ sửa chữa của Công ty theo chiến lược phát triển ngành hàng.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2020	TH 2020/TH 2019
A	B	C	1	2	3 = 2/1	4
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng				
-	DT hợp nhất (theo BCTC hợp nhất)	"	520.000	548.586	105%	109%
-	DT Công ty mẹ (theo BCTC riêng)	"		450.470		101%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng				
-	LNST hợp nhất (theo BCTC hợp nhất)	"	50.000	10.740	21%	13%
-	LNST Công ty mẹ (theo BCTC riêng)	"		20.498		25%
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10%	10%	100%	100%

Trong đó:

Doanh thu hợp nhất toàn Công ty tăng 5% so với kế hoạch ĐHCĐ giao và tăng trưởng 9% so với năm 2019. Có được kết quả này là do nỗ lực trong công tác tiêu thụ sản phẩm, ngoài các sản phẩm chính là động cơ điện và ngành hàng dịch vụ sửa chữa, Công ty còn thực hiện các dự án, làm tổng thầu, cung cấp hàng hóa, sản phẩm phụ trợ ngành điện, trạm bơm, xây lắp điện.... làm gia tăng khả năng cung ứng sản phẩm ra thị trường, đẩy mạnh phát triển thương hiệu HEM.

Lợi nhuận hợp nhất HEM năm 2020 thực hiện là 10,7 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch năm, không đạt chỉ tiêu ĐHCĐ giao. Nguyên nhân chủ yếu do: Công ty mẹ thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thêm vào đó là ảnh hưởng từ hoạt động SXKD của Công ty TNHH SAS-CTAMAD – đơn vị liên kết của HEM. Đây là công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và văn phòng cho thuê. Trong năm, dịch Covid-19 đã tác động xấu tới hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH SAS-CTAMAD, các đường bay quốc tế bị hạn chế, thậm chí đóng cửa, việc thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế tụ tập đông người ... ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả kinh doanh mảng lưu trú của khách sạn 5 sao Melia Hà Nội và mảng kinh doanh dịch vụ hội thảo, hội nghị, nhà hàng. Theo đó, kết quả lợi nhuận hợp nhất của HEM cũng bị suy giảm.

Các công ty con gồm Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội (HECO) và Công ty TNHH Thiết bị lưới điện G-POWER (G-POWER) đang trong quá trình cơ cấu lại mô hình hoạt động. Công ty mẹ HEM đang thực hiện cấu trúc lại Công ty G-POWER, tạm ngừng sản xuất máy biến áp theo định hướng tập trung phát triển ngành hàng cốt lõi của HEM. Công ty HECO được chuyển đổi từ mô hình cổ phần sang công ty TNHH 100% vốn của HEM. HECO là đại diện của HEM tại khu vực phía nam trong công tác tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ sửa chữa. Năm 2020, HECO hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra; so với năm 2019, tổng doanh thu tăng 58%, lợi nhuận trước thuế tăng 44%.

2. Đánh giá một số mặt hoạt động trong năm 2020:

2.1. Công tác kinh doanh:

- Ngành hàng động cơ điện: Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, chủ yếu là cạnh tranh về giá với hàng có nguồn gốc, xuất xứ từ Trung Quốc. Năm 2020, ngành động cơ điện bị ảnh hưởng và không đạt kế hoạch đề ra. Trước những bất lợi của thị trường, với mục tiêu trọng tâm là cơ cấu lại dòng phẩm, chủ động cắt giảm sản lượng đối với sản phẩm không hiệu quả, đồng thời quyết liệt thực hiện các giải pháp kiểm soát chất lượng sản phẩm; tái cơ cấu tổ chức sản xuất và sắp xếp nhân sự phù hợp để tiết kiệm chi phí; hỗ trợ công tác bán hàng nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

- Ngành hàng cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ lớn, máy phát và các thiết bị ngành điện của HEM vẫn giữ vững vị trí hàng đầu, chiếm thị phần lớn nhất ở Việt Nam. Đây là thế mạnh có được từ năng lực sản xuất, thiết bị, nhà xưởng; từ đội ngũ kỹ sư, công nhân tay nghề cao và uy tín của HEM suốt 60 năm hình thành và phát triển. Trong năm, HEM đã nỗ lực thực hiện sửa chữa các sản phẩm thiết bị điện siêu trường, siêu trọng như: máy phát nhiệt điện 55 MW, máy phát thủy điện 11,5 MW, máy biến áp 16.000 KVA, động cơ 1026 KW, động cơ trung thế 6700 KW được khách hàng các ngành xi măng, thép, nhiệt điện, thủy điện... tín nhiệm và đánh giá cao.

- Ngoài việc tập trung SXKD 02 ngành hàng chính trên, Công ty còn triển khai thực hiện các dự án ngành điện, kinh doanh máy biến áp và thiết bị điện khác.



2.2. Công tác Kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển:

- Đội ngũ kỹ thuật được cơ cấu lại tổ chức, sắp xếp nhân sự đáp ứng yêu cầu của công tác sản xuất và cung ứng dịch vụ sửa chữa. Dành nguồn lực để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới.
- Duy trì tốt Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2015, Hệ thống sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn môi trường ISO 14000-2015.
- Hoàn thành thiết kế dây sản phẩm mới 4KA đạt tiêu chuẩn hiệu suất cao IE2 có kích thước lắp đặt phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế IEC, dòng sản phẩm này được Tổng cục đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận IE2, đưa HEM trở thành nhà sản xuất trong nước duy nhất hiện nay có năng lực sản xuất sản phẩm động cơ điện tiết kiệm năng lượng vượt trội.
- Tiếp tục nghiên cứu dòng sản phẩm động cơ dân dụng, động cơ nam châm vĩnh cửu theo yêu cầu của thị trường.

2.3. Công tác Tài chính kế toán:

- Công tác kế toán được duy trì tốt, các báo cáo định kỳ và báo cáo quản trị được lập đầy đủ, đúng tiến độ; đảm bảo nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.
- Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam soát xét và kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
- Kiểm soát tốt các nguồn vốn phục vụ công tác SXKD; dòng tiền được lưu chuyển, quay vòng linh hoạt, lành mạnh; nguồn vốn đầu tư ra bên ngoài được giám sát chặt chẽ, đúng quy định.

2.4. Công tác đầu tư:

Năm 2020, Công ty thực hiện đầu tư một số máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư tài sản cố định trong năm đạt 5 tỷ đồng. Tài sản đầu tư đã và đang được đưa vào sử dụng, từng bước phát huy hiệu quả, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

2.5. Các công tác khác

- Thương hiệu sản phẩm động cơ điện HEM, VIHEM được bảo hộ và giữ vững trên thị trường, Sản phẩm Động cơ điện tiếp tục được công nhận là sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020 và là sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao được ghi nhận thường niên.
- Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định các chính sách Nhà nước đối với người lao động. Tạo cảnh quan, môi trường làm việc, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Công ty đã rà soát, kiện toàn các quy chế, quy định trong quản trị nội bộ. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ và tuân thủ quy trình sản xuất trong Công ty.
- HEM là Công ty đại chúng có cổ phần đang đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán UpCOM, Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về công bố thông tin theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN :

1. Dự kiến các chỉ tiêu SXKD chính năm 2021:

Trong bối cảnh diễn biến khó lường của đại dịch Covid 19 và thực tế tình hình dịch bệnh những tháng đầu năm 2021 vừa qua cho thấy nền kinh tế trong và ngoài nước còn gặp rất nhiều khó khăn.

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2020; căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết, Công ty HEM dự kiến chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2021 như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất : 470 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất : 39 tỷ đồng

2. Biện pháp thực hiện :

Để thực hiện được các chỉ tiêu trên, năm 2021 Công ty cần phải tiếp tục phát huy những điểm mạnh, có kế hoạch hành động cụ thể khắc phục nhược điểm, tồn tại trên các mặt hoạt động. Các giải pháp cơ bản thực hiện trong năm 2021 như sau:

- Đẩy mạnh hoạt động Marketing, xây dựng chính sách bán hàng và hậu mãi phù hợp với diễn biến thị trường. Tập trung mở rộng phát triển thị trường khu vực miền Trung và miền Nam. Tiếp tục đào tạo và xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp.

- Phát huy thế mạnh của ngành hàng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa động cơ lớn, máy phát điện và các thiết bị điện. Tiếp tục nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ của HEM bằng cách đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thiết bị hiện đại, đào tạo đội ngũ kỹ sư và công nhân tay nghề cao để đạt tiêu chuẩn hoạt động trong lĩnh vực phòng chống cháy nổ. Mở rộng phạm vi lĩnh vực sửa chữa và hợp tác để thực hiện các gói tổng thầu bảo trì, sửa chữa dây chuyền sản xuất công nghiệp trong các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng,... Áp dụng công nghệ vật liệu mới trong công tác sửa chữa.

- Đầu tư nguồn lực tập trung nghiên cứu, chế tạo dòng sản phẩm động cơ dân dụng một chiều sử dụng công nghệ nam châm vĩnh cửu. Mở rộng hợp tác triển khai công nghệ đúc roto chất lượng cao. Hợp tác đi đầu trong nghiên cứu và thiết kế, chế tạo sản phẩm động cơ trung thế để thay thế hàng nhập ngoại.

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm, đảm bảo uy tín của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng ngân sách cho các hoạt động truyền thông và quảng bá thương hiệu HEM.

- Hoàn thành việc tái cấu trúc các Công ty con theo chủ trương, định hướng của Công ty. Thông qua đại diện vốn góp của HEM quản lý chặt chẽ, hiệu quả phần vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ Công ty cho phù hợp với những thay đổi của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trên đây là Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Vinh

Số: 02 /BC - HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính:

Năm 2020, Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM) hoạt động trong bối cảnh toàn thế giới chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh covid 19, Việt Nam đã kiểm soát tương đối tốt tình hình dịch bệnh, tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng không nhỏ tới nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Các ngành hàng sản xuất và cung ứng dịch vụ của HEM cũng bị ảnh hưởng, kết quả đạt được như sau:

Kết quả hợp nhất toàn Công ty năm 2020: doanh thu thực hiện 548 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2019 và đạt kế hoạch đề ra; tuy nhiên lợi nhuận sau thuế hợp nhất thực hiện là 10,7 tỷ đồng, chỉ đạt 21% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng từ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ HEM và sự suy giảm lợi nhuận của Công ty TNHH SAS-CTAMAD – công ty liên kết của HEM. Công ty liên kết này hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn và văn phòng cho thuê, chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch covid-19.

Hoạt động tại Công ty mẹ HEM:

Năm 2020, Công ty mẹ HEM thực hiện cơ cấu tổ chức và kiện toàn bộ máy điều hành và quản lý Công ty. Theo đó, ổn định tổ chức sản xuất và kinh doanh ngành hàng động cơ điện cũng như cơ sở vật chất phục vụ ngành hàng dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa động cơ điện, máy phát, các thiết bị điện khác. Cùng với sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, Công ty thực hiện sắp xếp lại bộ máy quản lý và nhân sự với mục tiêu tinh gọn, hiệu quả.

Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 tại Công ty mẹ HEM ghi nhận sự giảm sút về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, thực hiện 20,4 tỷ đồng, đạt 54% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính do sản phẩm của Công ty bị cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, đặc biệt là các sản phẩm động cơ truyền thống. Trong năm, Công ty đã cơ cấu lại các dòng sản phẩm động cơ để tổ chức sản xuất hàng loạt, theo lô lớn nhằm giảm thiểu chi phí và giá thành sản phẩm. Cùng với đó là rà soát vật tư, bán thành phẩm tồn kho, thực hiện trích lập dự phòng để đảm bảo an toàn cho công tác tài chính của Công ty. Việc trích lập dự phòng này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả lợi nhuận của Công ty mẹ.

Hoạt động tại các Công ty con, Công ty liên kết:

Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đang có vốn đầu tư tại Công ty con là Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội (HECO), Công ty TNHH sản xuất thiết bị lưới điện G-POWER (G-POWER) và Công ty liên kết là Công ty TNHH SAS-CTAMAD.

- Năm 2020, HEM đã đầu tư mua toàn bộ cổ phần của các cổ đông nhỏ lẻ để sở hữu 100% vốn điều lệ của HECO. Theo đó, chuyển đổi HECO thành công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn của HEM với chiến lược đẩy mạnh phát triển thị trường khu vực phía nam, là cơ sở cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng động cơ lớn, máy phát và các thiết bị điện tại miền nam. Năm 2020, HECO hoạt động hiệu quả, đạt kế hoạch đề ra.
- Công ty G-POWER được thành lập do HEM sở hữu 100% vốn điều lệ. Trong năm, HEM thực hiện công tác cơ cấu lại các ngành hàng và các sản phẩm của HEM cho phù hợp với chủ trương phát triển chung của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. G-POWER dừng sản xuất và sắp xếp lại doanh nghiệp.
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD hoạt động vô cùng khó khăn khi xảy ra dịch bệnh covid-19, Nhà nước hạn chế các đường bay quốc tế, cấm hoạt động các sự kiện tập trung đông người... Tuy nhiên, kết thúc năm 2020, Công ty vẫn có lãi và trong năm đã thực hiện phân phối lợi nhuận từ kết quả của năm 2019 về HEM là 16,1 tỷ đồng.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT HEM gồm 03 thành viên, trong năm đã có biến động như sau:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường 20/01/2020 đã miễn nhiệm thành viên HĐQT Phan Ngọc Thảo và bầu bổ sung thành viên HĐQT Phạm Tuấn Anh. HĐQT đã họp nhất trí bầu Ông Bùi Quang Vinh làm Chủ tịch HĐQT thay thế ông Phan Ngọc Thảo từ ngày 20/01/2020.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 04/09/2020 đã bầu thành viên HĐQT Nguyễn Trọng Trung thay ông Lê Thành Lương. Ông Nguyễn Trọng Trung được HĐQT bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 04/09/2020.

Đến nay, HĐQT gồm các thành viên sau:

- + Ông Nguyễn Trọng Trung - Chủ tịch HĐQT;
- + Ông Bùi Quang Vinh - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc;
- + Ông Phạm Tuấn Anh - Ủy viên HĐQT

Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2020 theo đúng Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 580 triệu đồng. Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT là 15.000.000 đồng/tháng; ủy viên HĐQT là 10.000.000 đồng/tháng; Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ là 5.000.000 đồng/tháng; ủy viên Ban kiểm soát là 2.000.000 đồng/tháng.

Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị duy trì các cuộc họp thường kỳ, ngoài ra triệu tập các phiên họp đột xuất hoặc xin ý kiến bằng văn bản để kịp thời giải quyết những vướng mắc nảy sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Trong năm, HĐQT đã triệu tập 08 phiên họp tập trung, ban hành 19 Nghị quyết và 16 quyết định để chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty theo thẩm quyền, bao gồm:

- Về công tác cơ cấu tổ chức và nhân sự Ban điều hành:

Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Ban điều hành, các phòng ban, xưởng sản xuất.

Cùng với thay đổi đó, HĐQT đã bổ nhiệm Phó tổng giám đốc và các Giám đốc chuyên môn. Các thành viên trong Ban điều hành được phân công nhiệm vụ cụ thể và chịu trách nhiệm về mảng công việc được giao.

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: HĐQT đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch; kết quả hoạt động và báo cáo tài chính định kỳ; phê duyệt kế hoạch và quyết toán quỹ tiền lương của Công ty; phê duyệt kế hoạch mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu SXKD và các giao dịch phát sinh có liên quan.
- Về hoạt động tài chính: HĐQT phê duyệt việc vay vốn lưu động phục vụ SXKD; thông qua việc bán trái phiếu ECO & MORE;
- Về hoạt động đầu tư vốn ra bên ngoài: tháng 02/2020 phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty TNHH sản xuất thiết bị lưới điện G-POWER 100% vốn của HEM; mua cổ phần Công ty HECO tăng tỷ lệ sở hữu lên 100%. Thông qua mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức của G-POWER. Kiện toàn nhân sự Đại diện vốn của HEM tại các công ty con và công ty liên kết, chỉ đạo người đại diện vốn thực hiện nhiệm vụ theo định hướng chiến lược của HEM.
- Triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ.
- Tăng cường công tác quản lý theo quy chế, quy định. Ban hành Hệ thống phân quyền của HĐQT trong hoạt động quản trị và điều hành Công ty; Kiện toàn tổ chức của Ban kiểm toán nội bộ.

Nội dung các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp và được ban hành một cách hợp lệ, đúng với thẩm quyền.

3. Triển khai và giám sát việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành.

Với vai trò đại diện cho các cổ đông, Hội đồng quản trị luôn chủ động triển khai các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành để định hướng các hoạt động của Công ty phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành triển khai nhiệm vụ, đồng thời với hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định.

HQĐT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc: Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quy chế của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực trong việc triển khai nhiệm vụ, sự chủ động, linh hoạt và tinh thần trách nhiệm của Ban điều hành.

4. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm 03 thành viên, các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định trong Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cũng như quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ.

Trong năm, Ban đã thực thi nhiệm vụ và báo cáo HĐQT về kết quả kiểm tra giám sát hoạt động SXKD, sự tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ trong Công ty.

Kết quả hoạt động trong năm qua:

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo Tài chính Quý, Bán niên, Báo cáo Tài chính năm trước khi Ban điều hành trình HĐQT, Đại hội đồng cổ đông đồng thời nhất trí với những đánh giá của đơn vị kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý điều hành tại Công ty:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ, ngoài ra tổ chức các phiên họp bất thường để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác quản trị kịp thời, phù hợp với thực tế. Các phiên họp HĐQT có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp đều được ghi lại thành biên bản và lưu trữ đầy đủ tại Công ty. Những vấn đề HĐQT thông qua trong cuộc họp và thống nhất ý kiến bằng văn bản đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

Công ty đã thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy chế và quy định nội bộ khác trong điều hành hoạt động SXKD.

Kết luận: Năm 2020 Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong phạm vi, quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; đảm bảo lợi ích của Công ty, của Cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động; quản lý và sử dụng vốn hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Mục tiêu năm 2021 của Công ty là tập trung tổ chức lại ngành hàng sản xuất động cơ điện và xây dựng chính sách phát triển ngành hàng truyền thống này, tiếp tục khai thác tối đa thị trường dịch vụ sửa chữa động cơ điện trên khắp cả nước.

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, Hội đồng quản trị đề ra một số giải pháp như sau:

- Tập trung nguồn lực cho công tác phát triển thị trường. Đầu tư thêm ngân sách cho việc quảng bá thương hiệu HEM và các sản phẩm của Công ty để mở rộng, phát triển thị phần trong và ngoài nước.
- Tăng cường đầu tư cho công tác phát triển sản phẩm mới; cải tiến thiết kế, mẫu mã dòng sản phẩm truyền thống để đáp ứng yêu cầu của thị trường;
- Tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao.
- Hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với quy định mới của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành; kiện toàn hệ thống quản trị nội bộ, tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Cơ cấu lại vốn đầu tư ra bên ngoài theo hướng hiệu quả nhất trong công tác đầu tư. Thông qua người đại diện vốn, tham gia thiết lập mô hình tổ chức, định hướng phát triển dài hạn các công ty con, công ty liên doanh liên kết. Kiểm soát tốt nguồn vốn đầu tư vào các Công ty này.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN TRỌNG TRUNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI
HEM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán
(Bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất)

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (Bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất). Cụ thể:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty (www.hem.vn) bao gồm:

- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhân:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.



NGUYỄN TRỌNG TRUNG



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61441291/21949938/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 31 tháng 03 năm 2021)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu kỳ (01/01/2020)
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100-BCĐKT	448.154.412.289	649.511.717.324
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	101.191.500.556	73.804.140.478
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	28.170.000.000	207.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	144.801.084.384	222.850.335.505
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	170.101.603.884	144.783.152.484
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	3.890.223.465	1.074.088.857
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200-BCĐKT	377.709.126.590	409.954.456.427
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	23.047.025	-
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	82.386.183.568	105.689.390.078
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221-BCĐKT	81.436.273.559	105.085.644.787
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	227-BCĐKT	949.910.009	603.745.291
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242-BCĐKT	1.727.581.060	1.010.240.781
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	268.613.695.255	278.776.563.284
5	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	24.958.619.682	24.478.262.284
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	825.863.538.879	1.059.466.173.751
III	NỢ PHẢI TRẢ	300-BCĐKT	205.095.515.794	389.673.177.061
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	203.761.919.113	385.608.634.171
2	Nợ dài hạn	330-BCĐKT	1.333.596.681	4.064.542.890
IV	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400-BCĐKT	620.768.023.085	669.792.996.690
1	Vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	616.031.864.711	664.145.504.988
	<i>Trong đó: - Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	411-BCĐKT	387.046.500.000	387.046.500.000
	<i>- Thặng dư vốn cổ phần</i>	412-BCĐKT	11.770.960.945	11.770.960.945
	<i>- Cổ phiếu quỹ</i>	415-BCĐKT	(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
	<i>- Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	416-BCĐKT	-	-
	<i>- Quỹ đầu tư phát triển</i>	418-BCĐKT	7.926.026.801	7.926.026.801
	<i>- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	420-BCĐKT	4.508.916.616	4.508.916.616
	<i>- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	421-BCĐKT	206.368.872.949	254.281.857.995
	<i>- Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	429-BCĐKT	-	200.655.231
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430-BCĐKT	4.736.158.374	5.647.491.702
	<i>- Nguồn kinh phí</i>	431-BCĐKT	-	-
	<i>- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>	432-BCĐKT	4.736.158.374	5.647.491.702
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	825.863.538.879	1.059.466.173.751

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
V	KẾT QUẢ KINH DOANH			
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	01-BCKQKD	550.966.026.946	501.927.643.187
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		2.379.539.689	342.556.255
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10-BCKQKD	548.586.487.257	501.585.086.932
4	Giá vốn hàng bán		477.000.485.629	408.348.275.831
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20-BCKQKD	71.586.001.628	93.236.811.101
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	25.174.173.283	89.410.326.830
7	Chi phí tài chính	22-BCKQKD	12.732.257.786	24.920.763.735
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24-BCKQKD	(10.162.868.029)	2.854.113.708
9	Chi phí bán hàng		23.292.186.440	24.393.671.115
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp		34.169.162.139	45.576.554.977
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.403.700.517	90.610.261.812
11	Thu nhập khác	31-BCKQKD	473.471.530	876.465.399
12	Chi phí khác	32-BCKQKD	3.266.794.356	685.362.793
13	Lợi nhuận khác		(2.793.322.826)	191.102.606
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50-BCKQKD	13.610.377.691	90.801.364.418
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51-BCKQKD	4.851.010.714	6.128.683.166
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52-BCKQKD	(1.981.184.155)	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60-BCKQKD	10.740.551.132	84.672.681.252
18	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61-BCKQKD	10.738.713.702	84.631.574.314
19	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62-BCKQKD	1.837.430	41.106.938
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70-BCKQKD	279	2.204
21	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu			

VI.	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		45,7%	38,7%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		54,3%	61,3%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		24,8%	36,8%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		75,2%	63,2%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,36	1,31
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,20	1,68
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LNST trên tổng tài sản (ROA)		1,14%	8,76%
	- Tỷ suất LNST trên doanh thu (ROS)		1,96%	16,88%
	- Tỷ suất LNST trên vốn góp chủ sở hữu (ROE)		1,66%	12,88%





Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61441291/21949938

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 31 tháng 03 năm 2021)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu kỳ (01/01/2020)
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100-BCĐKT	374.320.812.817	635.358.906.917
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	71.666.042.362	68.906.815.841
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	28.170.000.000	207.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	130.944.490.259	218.589.168.554
4	Hàng tồn kho	140-BCĐKT	141.174.856.826	139.939.059.247
5	Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	2.365.423.370	923.863.275
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200-BCĐKT	317.283.181.280	302.712.384.342
1	Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	-	-
2	Tài sản cố định	220-BCĐKT	71.507.394.424	100.527.357.852
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221-BCĐKT	70.600.989.424	99.982.937.566
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	227-BCĐKT	906.405.000	544.420.286
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242-BCĐKT	1.249.771.600	719.965.250
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	237.915.298.115	197.869.298.115
5	Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	6.610.717.141	3.595.763.125
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	691.603.994.097	938.071.291.259
III	NỢ PHẢI TRẢ	300-BCĐKT	180.823.980.224	388.235.126.056
1	Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	179.490.383.543	384.170.583.166
2	Nợ dài hạn	330-BCĐKT	1.333.596.681	4.064.542.890
IV	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400-BCĐKT	510.780.013.873	549.836.165.203
1	Vốn chủ sở hữu	410-BCĐKT	506.043.855.499	544.188.673.501
	<i>Trong đó: - Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	411-BCĐKT	387.046.500.000	387.046.500.000
	<i>- Thặng dư vốn cổ phần</i>	412-BCĐKT	11.770.960.945	11.770.960.945
	<i>- Cổ phiếu quỹ</i>	415-BCĐKT	(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
	<i>- Quỹ đầu tư phát triển</i>	418-BCĐKT	6.200.042.131	6.200.042.131
	<i>- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	421-BCĐKT	102.615.765.023	140.760.583.025
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430-BCĐKT	4.736.158.374	5.647.491.702
	<i>- Nguồn kinh phí</i>	431-BCĐKT	-	-
	<i>- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>	432-BCĐKT	4.736.158.374	5.647.491.702
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	691.603.994.097	938.071.291.259

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
V	KẾT QUẢ KINH DOANH			
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	01-BCKQKD	452.849.552.459	447.110.019.393
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		2.379.539.689	299.513.610
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10-BCKQKD	450.470.012.770	446.810.505.783
4	Giá vốn hàng bán		396.168.787.789	369.726.970.621
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20-BCKQKD	54.301.224.981	77.083.535.162
6	Doanh thu hoạt động tài chính		24.635.033.957	90.335.739.578
7	Chi phí tài chính		12.732.257.786	25.553.462.365
8	Chi phí bán hàng		16.268.598.152	20.255.318.978
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		25.621.009.992	33.796.431.214
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30-BCKQKD	24.314.393.008	87.814.062.183
11	Thu nhập khác		1.199.168.076	234.840.854
12	Chi phí khác		3.169.933.758	563.691.653
13	Lợi nhuận khác	40-BCKQKD	(1.970.765.682)	(328.850.799)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50-BCKQKD	22.343.627.326	87.485.211.384
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51-BCKQKD	1.844.974.828	5.490.969.763
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60-BCKQKD	20.498.652.498	81.994.241.621

VI.	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		45,9%	32,3%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		54,1%	67,7%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		26,1%	41,4%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		73,9%	58,6%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,30	1,29
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,09	1,65
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất LNST trên tổng tài sản (ROA)		2,5%	10,0%
	- Tỷ suất LNST trên doanh thu (ROS)		4,6%	18,4%
	- Tỷ suất LNST trên vốn góp chủ sở hữu (ROE)		3,9%	15,7%



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

HEM

Số: 02 /TTr - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi : **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế tài chính Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đơn vị tính : VND

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế (BCTC riêng) năm 2020	20.498.652.498
2	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2020	102.615.765.023
3	Phân phối lợi nhuận:	38.704.650.000
	<i>Chi trả cổ tức bằng tiền 10%</i>	38.704.650.000
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	63.911.115.023

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.



NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Kính gửi : **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế tài chính Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội;

Trong bối cảnh đại dịch Covid 19 bùng phát tại nhiều quốc gia trên thế giới từ cuối năm 2020, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh của HEM có mảng kinh doanh khách sạn và dịch vụ tại Công ty Liên kết – Công ty TNHH SAS-CTAMAD bị ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch. Theo đó, ảnh hưởng lớn tới kế hoạch SXKD năm 2021 của HEM.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Về Sản xuất kinh doanh		
-	Tổng doanh thu hợp nhất	VNĐ	470.000.000.000
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất	VNĐ	39.000.000.000
-	Chi trả cổ tức	%/năm	10 %
2	Về Kinh phí HĐQT, BKS, BDH		
-	Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	VNĐ	800.000.000
-	Quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành		Tối đa 20%/ phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.



NGUYỄN TRỌNG TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

HEM

Số: 04 /TTr - HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021

Kính gửi : **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội đề xuất danh sách các công ty kiểm toán độc lập như liệt kê dưới đây và kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính cho năm 2021:

1. Tên đơn vị : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Tên đơn vị : Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Địa chỉ : Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội.
3. Tên đơn vị : Công ty TNHH KPMG
Địa chỉ : tầng 46, toà tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, toà nhà 72 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.
4. Tên đơn vị : Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Địa chỉ : Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Số: 05/TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;
- Căn cứ nhu cầu thực tế sản xuất kinh doanh, nhu cầu vốn và nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền, hiệu quả đầu tư,

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động, liên kết sức mạnh từ các công ty trong hệ thống, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội ("Công Ty") xin kính trình:

1. Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và chấp thuận các hợp đồng, giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, chi tiết như sau:

Các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX trong lĩnh vực mua bán vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa, chứng khoán, vay và cho vay có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất so với thời điểm xác lập từng hợp đồng, giao dịch tương ứng.

Nội dung nêu tại Mục này không bao gồm các hợp đồng, giao dịch không được phép xác lập, thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện từng hợp đồng, giao dịch nêu tại Mục 1 trên đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Số: 06 /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v cho phép Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX nâng tỉ lệ sở hữu
không thông qua chào mua công khai**

**Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội,

Căn cứ văn bản số 101/CV -TGD ngày 29 /03 /2021 của Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”) xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX (“GELEX ELECTRIC”) mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu HEM với mục tiêu sở hữu đến mức tối đa 100% tổng vốn điều lệ của HEM như sau:

1. Định hướng của cổ đông lớn GELEX ELECTRIC:

GELEX ELECTRIC hiện đang sở hữu 29.684.916 cổ phần tương đương 77,01% tổng số cổ phần đang lưu hành của HEM. GELEX ELECTRIC xác định HEM là công ty chủ lực trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh động cơ điện và dịch vụ sửa chữa động cơ điện. Theo định hướng này, GELEX ELECTRIC mong muốn nâng tỉ lệ sở hữu tại HEM lên 100%.

2. Thông tin cơ bản về GELEX Electric:

Tên Công ty: Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: Số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 02/01/2021

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà GELEX, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ: 2.218.700.000.000 đồng

3. Đề nghị tăng tỉ lệ sở hữu của GELEX Electric tại HEM:

- Số lượng cổ phần mua: Chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu HEM với mục tiêu sở hữu đến mức tối đa 100% tổng vốn điều lệ của HEM.
- Phương thức mua: Thông qua hình thức mua khớp lệnh hoặc mua thỏa thuận theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

- Thời gian thực hiện: Sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội thông qua.

Xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Hội đồng quản trị lưu ý, nếu GELEX Electric đạt được tỷ lệ sở hữu như mong muốn ở trên, cổ phiếu HEM có khả năng không đáp ứng đủ điều kiện để đăng ký giao dịch trên sàn UpCom. Do đó, HĐQT HEM xin thông tin nội dung này tới các cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 để Quý cổ đông được biết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- TV HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.



NGUYỄN TRỌNG TRUNG



HEM

Số: 07 /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

*(V/v: Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, số lượng thành viên HĐQT và BKS;
sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)*

Kính gửi : **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành ("Luật Doanh nghiệp 2020");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("Luật Chứng khoán 2019");
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ngày 31 tháng 12 năm 2020 ("Nghị định 155")
- Căn cứ Thông tư 166/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan;
- Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội ("Công ty") kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua các nội dung sau:

I. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, số lượng thành viên HĐQT và BKS:

1. Nội dung thay đổi:

- Hiện tại:
 - + Cơ cấu tổ chức quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người;
 - + Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Đề nghị thay đổi:
 - + Cơ cấu tổ chức quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - + Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người;
 - + Thành lập Ban kiểm soát với số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người.

2. Căn cứ pháp lý và lý do thay đổi

Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định công ty cổ phần được quyền lựa chọn mô hình tổ chức quản lý và hoạt động. Việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và số lượng

thành viên HĐQT và BKS của Công ty như đề xuất tại Mục 1 trên là nhằm hoàn thiện công tác quản trị điều hành và hoạt động kiểm soát của Công ty, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành cũng như yêu cầu về quản trị công ty hiện nay.

II. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS:

Nhằm phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan mới được ban hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau:

- Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Phụ lục 01 đính kèm;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty theo Phụ lục 02 đính kèm;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Phụ lục 03 đính kèm;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Phụ lục 04 đính kèm.

Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế nêu trên và công bố thông tin theo quy định.

Bản Điều lệ và các Quy chế trên có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN TRỌNG TRUNG



PHỤ LỤC 01

V/V SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lí do đề xuất sửa đổi, bổ sung
1	Điều 1 Giải thích thuật ngữ	<p>Khoản 1, Điều 1 Điều lệ quy định</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số <u>70/2006/QH11</u> ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số <u>62/2010/QH12</u> sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>j. "Công ty mẹ", "công ty con" là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp. Trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh và thực tế áp dụng Công ty sẽ được hiểu là "công ty mẹ" hoặc "công ty con";</p>	<p>Sửa đổi Khoản 1, Điều 1 như sau:</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>j. "Công ty mẹ", "công ty con" là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp. Trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh và thực tế áp dụng Công ty sẽ được hiểu là "công ty mẹ" hoặc "công ty con";</p>	<p>Quốc hội XIV thông qua Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán mới, luật cũ hết hiệu lực</p> <p>Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 thêm Người đại diện theo pháp luật vào danh sách người có liên quan</p> <p>Sửa đổi theo Điều 195, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

2	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Điều 3 Điều lệ quy định:</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.</p> <p>5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung Điều 3 như sau:</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1, Điều 12, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Khoản 5 khoản 7 Điều 115, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14: sửa cụm từ “kết án tù” thành “đang chấp hành hình phạt tù”. Vì người bị kết án tù có thể là án treo và họ không phải chấp hành hình phạt tù. Và bổ sung thêm 2 trường hợp</p>
---	--	---	---

			<p><u>nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.</u></p> <p><u>6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</u></p>		
3	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Khoản 2, Điều 4 Điều lệ quy định:</p> <p>Mã ngành, nghề kinh doanh /Tên ngành, nghề kinh doanh</p> <p><u>4100 Xây dựng nhà các loại</u></p> <p><u>7210 Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật</u></p>	<p>Sửa đổi Khoản 2, Điều 4 như sau:</p> <p>Mã ngành, nghề kinh doanh /Tên ngành, nghề kinh doanh</p> <p><u>4101 Xây dựng nhà để ở</u></p> <p><u>4102 Xây dựng nhà không để ở</u></p> <p><u>7211 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên</u></p> <p><u>7212 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</u></p>	<p>Cập nhật mã ngành nghề DKKD theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ</p>	
4	<p>Điều 7. Cổ phiếu</p>	<p>Điều 7 Điều lệ quy định</p> <p>2.a Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc</p>	<p>Sửa đổi Điều 7 như sau:</p> <p>2.a Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 121, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>	

		<p>một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:</p> <p>2d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>2e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p>	<p>hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:</p> <p>2d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 121, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
		<p>4. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>4. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 121, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
5	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	<p>Khoản 6 Điều 9 Điều lệ quy định:</p> <p>Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 6 Điều 9 như sau:</p> <p>Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 122, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

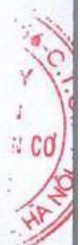
6	Điều 10. Thu hồi cổ phần	Khoản 4 Điều 10 Điều lệ quy định: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 10 như sau: Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 112, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14
7	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.	Điều 11 Điều lệ quy định: “Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc. <u>Theo đó, Công ty đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập tối thiểu đáp ứng quy định pháp luật và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.</u> ”	Sửa đổi Điều 11 như sau: “ <i>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</i> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.”	Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14
8	Điều 12. Quyền của cổ đông	Điều 12 Điều lệ quy định: L.e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong	Sửa đổi Điều 12 như sau: <u>L.e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc</u>	Điều 115, Điều 132, Điều 140 Luật Doanh nghiệp

		<p>danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>2.h.Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</p> <p>3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a.Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 25 Điều lệ này ;</p> <p>b.Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c.Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d.Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>2.h.Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 Điều lệ này ;</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; ▪ Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị Ban kiểm soát . Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn 	59/2020/QH14
--	--	---	---	--------------

			<p>lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>b) <u>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>c) <u>Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>d) <u>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công</u></p>
--	--	--	--

			<p>ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra:</p> <p>e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
9	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13 Điều lệ quy định:	<p>Bổ sung Điều 13 như sau:</p> <p>8. <u>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</u></p>	Bổ sung theo Khoản 5 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14	
10	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.	Điều 14 Điều lệ quy định:	<p>Bổ sung Điều 14 như sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời gian bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc tài chính.</p>	Bổ sung theo Khoản 2 điều 139 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14: HĐQT quyết định việc gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên thay vì cơ quan đăng ký kinh	

		<p>quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>3.c, Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này;</p> <p>e. Theo yêu cầu của ban kiểm soát.</p> <p>3.d,Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ</p>	<p>doanh như trước đây.</p> <p>Sửa đổi theo Khoản 1 điều 140 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Sửa đổi theo Khoản 4 điều 115 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
	<p>3.c, Số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này;</p> <p>3.d,Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có</p>		



		<p>các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc vượt quá thẩm quyền;</p> <p>4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này và theo Điều 151.3 Luật doanh nghiệp</p> <p>4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, <u>cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</u></p>	<p>về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc vượt quá thẩm quyền;</p> <p>4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc khi nhân được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d và điểm e Khoản 3 điều này.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2 điều 140 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
		<p>4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, <u>Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u></p> <p><u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy</u></p>	<p>4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, <u>Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u></p> <p><u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy</u></p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
			<p><u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy</u></p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

			định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.	
11	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 15 Điều lệ quy định: 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;	Sửa đổi, Bổ sung Điều 15 như sau: 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: Báo cáo của Ban kiểm soát. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ; e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát</u> ; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;	 Bổ sung theo Mục d khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung theo Mục l khoản 2 Điều 138, khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14

		<p>n, Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>p Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>q.Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
12	<p>Điều 1.Đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>Điều 16 Điều lệ quy định:</p> <p>1.Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ theo tỷ lệ cổ phần sở hữu, Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền cử một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền theo nguyên tắc cứ mỗi 10% tổng số cổ phần biểu quyết được quyền cử một (01) người đại diện theo ủy quyền, tối đa năm (05) người.</p>	<p>Sửa đổi Điều 16 như sau:</p> <p>1.Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p>

		<p><u>2.b. Việc ủy quyền cho người đại diện</u> <u>hợp Đại hội đồng cổ đông phải lập</u> <u>văn bản theo mẫu của Công ty</u> <u>chữ ký theo quy định sau đây:</u></p>	<p><u>2.b. Việc ủy quyền cho người đại diện</u> <u>hợp Đại hội đồng cổ đông phải lập</u> <u>thành văn bản theo mẫu của Công ty</u> <u>hoặc mẫu phù hợp theo quy định của</u> <u>pháp luật dân sự và phải có chữ ký</u> <u>theo quy định sau đây:</u></p>
13	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền.</p>	<p>Điều 17 Điều lệ quy định:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần <u>đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</u></p>	<p>Sửa đổi Điều 17 như sau:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần <u>ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>
			<p>Sửa đổi theo khoản 6 Điều 149 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

14	Điều 18. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.	<p>Điều 18 Điều lệ quy định:</p> <p>2.a, Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>3.b Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu viên Hội đồng quản trị;</p> <p>5.b, Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ</p>	<p>Sửa đổi Điều 18 như sau:</p> <p>2.a, Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>3.b Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát;</u></p> <p>5.b, Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều</p>
----	---	---	---	--

		5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	155 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
15	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.	<p>Điều 19 Điều lệ quy định:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 điều này. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi Điều 19 như sau:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;</p>	Sửa đổi theo khoản 1 khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
16	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 20 Điều lệ quy định:</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa,</p>	<p>Sửa đổi Điều 20 như sau:</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ</p>	Sửa đổi theo khoản 2.a Điều 146 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14

		Thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
		8.Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau	8.Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau	Sửa đổi theo khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
		9.Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu.....	9.Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu.....	Bổ sung theo khoản 10 Điều 20, Phụ lục I Thông tư 166/2020/TT-BTC
			10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3	

17	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 21 Điều lệ quy định:</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc <u>sửa đổi và bổ sung Điều lệ</u>, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.....</p>	<p>Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Sửa đổi Điều 21 như sau:</p> <p>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.....</p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 148 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
18	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua	<p>Điều 22 Điều lệ quy định:</p> <p>3.c, Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở</p>	<p>Sửa đổi Điều 22 như sau:</p> <p>3.c, Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ</p>	Sửa đổi theo khoản 3.c Điều 149 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14

	quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	<p>chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>3.g, Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>7.e, Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>7.f, Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</p>	<p><u>liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u></p> <p>3.g, Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>7.e, Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</p> <p>7.f, Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được biểu quyết tán thành theo tỷ lệ lệ khoản 1, khoản 2, khoản 3</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3.g Điều 149 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
				<p>Sửa đổi theo khoản 5.e, khoản 5.d Điều 149 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
				<p>Bổ sung theo khoản 6 Điều 149 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
				<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>

19	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	59/2020/QH14
	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều 25 Điều lệ quy định:</p> <p>1.....Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a.Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b.Trình độ học vấn;</p> <p>c.Trình độ chuyên môn;</p> <p>d.Quá trình công tác;</p> <p>e.Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f.Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>g.Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:</p> <p>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.....Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a)Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b)Trình độ chuyên môn;</p> <p>c)Quá trình công tác;</p> <p>d)<u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u></p> <p>đ) <u>Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</u></p> <p>e)<u>Các thông tin khác (nếu có).</u></p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng</p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung theo Điều 25, Phụ lục I Thông tư 166/2020/TT-BTC</p>

		<p>(06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</u></p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</u></p> <p>c. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</u></p> <p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</u></p> <p>e. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</u></p> <p>f. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;</u></p> <p>g. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có</u></p>	<p>quản trị:</p> <p>a. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</u></p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</u></p> <p>c. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</u></p> <p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</u></p> <p>e. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tháng được đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu;</u></p>
--	--	---	--

		<p>quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên:</p> <p><u>h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u></p>		
20	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 26 Điều lệ quy định:</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ nhưng chưa tới kỳ tổ chức DHDCTD gần nhất thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</p>	<p>Sửa đổi Điều 26 như sau:</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>05 người</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục</p> <p>Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị kết thúc nhiệm kỳ nhưng chưa tới kỳ tổ chức DHDCTD gần nhất thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2, Điều 154 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 26, Phụ lục 1 Thông tư 166/2020/TT-BTC</p>

		<p>được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Và Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>.....</p>	<p>thức làm tròn xuống.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bỏ khoản 5, Điều 26 Do đã bổ sung ở khoản 4, Điều 25 Điều lệ này</p>
--	--	---	--	---

		<p>6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 151.2 Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhân được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>		<p>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty không có Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p>
21	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27 Điều lệ quy định:</p> <p><u>2.i. Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua đề bảo vệ cổ đông;</u></p> <p>2.n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u>Khoản 1 Điều 130</u> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2.s. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp</p>	<p>Sửa đổi Điều 27 như sau:</p> <p><u>2.i. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế về công bố thông tin của công ty;</u></p> <p>2.n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại <u>khoản 1 và khoản 2 Điều 133</u> Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2.s. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2.q Điều 27, Phụ lục 1 Thông tư 166/2020/TT-BTC</p> <p>Sửa đổi theo khoản 1, khoản 2, Điều 133 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p> <p>Sửa đổi theo Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

		<p>dùng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>Điều 4 Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>3.c.Trong phạm vi quy định tại <u>khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và từ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p> <p>5.Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình. cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>Điều 4 Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>3.c.Trong phạm vi quy định tại <u>khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và từ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p> <p>5.Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại <u>Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 153, khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
22	<p>Điều 29.Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29 Điều lệ quy định:</p> <p>1.Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi Điều 29 như sau:</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị không</p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 3 Điều 27, Phụ lục I Thông tư 166/2020/TT-BTC</p>
			<p>Sửa đổi theo khoản 2, Điều 156 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>	

		<p>2.d.Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán</p>
	<p>được kiểm Tổng giám đốc.</p> <p>2.d.Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4, Điều 156 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>
	<p>Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3.a Điều 156 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

23	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	<p>Điều 30 Điều lệ quy định:</p> <p><u>3.a Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:</u></p> <p>15.h.Các vấn đề đã được thông qua</p>	<p>Sửa đổi Điều 30 như sau:</p> <p><u>3.a Ban kiểm soát:</u></p> <p>15.h.Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng:</p>	Sửa đổi theo khoản 1.h, Điều 158 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14
24	Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị	<p>Điều 31 Điều lệ quy định:</p> <p>1.Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Thành viên của tiêu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiêu ban, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm Trưởng tiêu ban. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiêu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu ban nêu trên và cho phép người đó được</p>	<p>Sửa đổi Điều 31 như sau:</p> <p>1.Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định <u>lỗi thiếu là 3 người</u>. Thành viên của tiêu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiêu ban, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành làm Trưởng tiêu ban. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiêu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này</p>	Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

		quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	
25	Điều 36, Điều 37, Điều 38 Chương IX Ban kiểm toán nội bộ	3. Công ty có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Chi tiết về Ban Kiểm toán nội bộ được quy định tại chương IX Điều lệ này. Chương IX Điều lệ quy định: <u>Điều 36, Điều 37, Điều 38 Chương IX Ban kiểm toán nội bộ</u>	<u>Sửa đổi Chương IX như sau</u> <u>Chương IX Ban kiểm soát</u> Điều..... Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát. 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban kiểm soát: a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ	Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bỏ Ban kiểm toán nội bộ và bầu Ban kiểm soát theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14

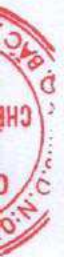
			<p><u>phần có quyền biểu quyết được đề cử mới (01) ứng viên:</u></p> <p><u>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</u></p> <p><u>c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</u></p> <p><u>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</u></p> <p><u>e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tháng được đề cử tối đa số ứng viên bằng số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu;</u></p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ</p>
--	--	--	--

			<p>ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liên trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>
--	--	--	--

			<p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty này;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều Trường Ban kiểm soát</p> <p>1. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:</p>
--	--	--	--

			<p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị đề trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều..... Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng</p>
--	--	--	---

			<p>quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đàm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p>	
--	--	--	--	--



			<p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Điều Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p>
--	--	--	---

			<p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, di lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
26	Điều 39 Trách nhiệm trong	Điều 39 Điều lệ quy định: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của Hội đồng quản trị,	Bổ sung Điều 39 như sau: Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Thành viên Ban Kiểm soát</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành	

		<p>một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>viên các tiêu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	
27	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 40 Điều lệ quy định:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung Điều 40 như sau:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 164 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14</p>

PHỤ LỤC 02
DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II.
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính., Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- Đ. N. 0100
CÔ
CÔ
CHẾ T
H
Đ. BẮC T

chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết.
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

d) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4.c Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

100
NG
PH
AO DI
A NO
LIEM

c) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại mục b Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại mục b Điều này;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại mục b Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại mục c Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

a) Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.

b) Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.

c) Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa cho số lượng người được quy định tại Điều lệ (trường hợp Điều lệ không quy định thì áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành). Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

d) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty được gửi kèm theo Thông báo mời họp và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

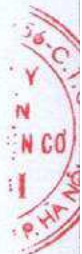
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó; chữ ký của cá nhân được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

e) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.



f) Trừ trường hợp quy định tại khoản 3.e Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

a) Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.

b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

c) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

d) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành;

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.a Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.b Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Tổ chức lại, giải thể công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu,;

a) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định.

b) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

c) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa (hoặc Ban kiểm phiếu) thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các mục c, d và f Điều này:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Tổ chức lại, giải thể công ty;

- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các mục a, c, d và f Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp



có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

d) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được biểu quyết tán thành theo tỷ lệ khoản 11.a, khoản 11.b, khoản 11.c và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

f) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

a) Cổ đông phản đối việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu (“V” hoặc “X”) vào ô biểu quyết “Không tán thành” trên thẻ biểu quyết.

b) Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu thẻ biểu quyết không tán thành việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển thẻ biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.

c) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

d) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 12.c Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

e) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm



thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

a) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ ngày ghi trên Nghị quyết theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết



Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ vấn đề sau đây:

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

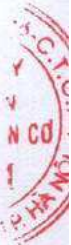
a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội

đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

a) Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

d) Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.a và khoản 5.b Điều này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp;
- Trừ trường hợp quy định trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

a) Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].
- d) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

e) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 9. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu

rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp [nếu Điều lệ công ty không có quy định khác]. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết,



quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.]

3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại [Điều lệ công ty], Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [03 người]. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.]

3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại [Điều lệ công ty], Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là [03 người]. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) [Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này].

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty

trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ này].

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

[Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác] thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức

danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

a) Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

b) Tổng giám đốc phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

a) Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

trong vấn đề triệu tập họp, thông báo kết quả họp/ nghị quyết, xin ý kiến

- Hội đồng quản trị tùy từng nội dung có thể mời thêm thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các khách mời này có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

- Khi có yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban kiểm soát, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Nghị quyết/Quyết định Ban kiểm soát được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

- Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát để báo cáo.

- Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc lập Tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.

- Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng, quy định làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng Giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chỉ đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyền trao đổi, bảo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

2. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty hoặc quyền lợi của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp



phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty; Công ty có các hoạt động trái qui định của pháp luật; Công ty bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của Công ty; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; Công ty có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện Công ty đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

- Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc triệu tập họp khi xảy ra các sự kiện quy định tại Khoản 6, 7, 8 Điều 170 Luật Doanh nghiệp.

3. Báo cáo, kiểm điểm của Tổng Giám đốc

- Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị hoặc khi được yêu cầu.

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.

- Cách thức báo cáo, thông báo của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Báo cáo bằng văn bản. Trường hợp báo cáo bằng văn bản, thời hạn báo cáo, thời hạn yêu cầu trả lời nêu tại văn bản của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

- Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công

ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

- Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

- Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát biết về rủi ro này.

Điều 20. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

1. Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

- Hàng năm, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

- Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.

- Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.

2. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

- Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá.
 - Cách thức khác do Hội đồng quản trị / Ban Kiểm soát/Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.
- Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị.

- Ban Kiểm soát sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3. Khen thưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị /Ban Kiểm soát thực hiện phân bổ nguồn khen thưởng theo kết quả đánh giá như quy định tại Điều 20.3 Quy chế này.

- Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công ty tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

4. Xử lý vi phạm và kỷ luật

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan của Công ty, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công ty.

- Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.

- Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Công ty từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Ngày hiệu lực

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội bao gồm [21 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng.. năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 03

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:



a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. [Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của

Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về

T.C.P.K

ng nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

[Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác], Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết

định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng 04 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 04

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số

phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm

toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ

công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng.. năm...

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: 2021/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22 tháng 04 năm 2021 của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

QUYẾT NGHỊ :

Điều 1. Đại hội thống nhất thông qua nội dung các Báo cáo:

1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2021;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (Bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 31/12/2020) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty (www.hem.vn).

Điều 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Đơn vị tính : VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế (BCTC riêng) năm 2020	20.498.652.498
2	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2020	102.615.765.023
3	Phân phối lợi nhuận:	38.704.650.000
	Chi trả cổ tức bằng tiền 10%	38.704.650.000
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	63.911.115.023

Điều 4. Thông qua Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021; thù lao HĐQT và BKS; Quỹ thưởng HĐQT và Ban điều hành năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Về Sản xuất kinh doanh		
-	Tổng doanh thu hợp nhất	VNĐ	470.000.000.000
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất	VNĐ	39.000.000.000
-	Chi trả cổ tức	%/năm	10 %
2	Về Kinh phí HĐQT, BKS, BĐH		
-	Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	VNĐ	800.000.000
-	Quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành		20%/ phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch

Điều 5. Thông qua Công ty kiểm toán cho năm tài chính năm 2021:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính cho năm 2021:

1. Tên đơn vị : Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Tên đơn vị: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội
3. Tên đơn vị : Công ty TNHH KPMG
Địa chỉ : Tầng 46, toà tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, toà nhà 72 - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội

Điều 6. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch ký kết có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa HEM với Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) và với các Công ty thành viên trong hệ thống GELEX trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 7. Thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị về việc cho phép Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX nâng tỉ lệ sở hữu không thông qua chào mua công khai. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần mua: Chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết bị điện GELEX mua/nhận chuyển nhượng cổ phiếu HEM với mục tiêu sở hữu đến mức tối đa 100% tổng vốn điều lệ của HEM.
- Phương thức mua: Thông qua hình thức mua khớp lệnh hoặc mua thỏa thuận theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội thông qua.

Điều 8. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, số lượng thành viên HĐQT và BKS; sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị hoàn thiện Điều lệ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế nêu trên và công bố thông tin theo quy định. Điều lệ sửa đổi bổ sung và các Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

Điều 9. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

1.....

2.....

Danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, các bộ phận/ cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Như Điều 8;
- UBCKNN; SGDCKHN
- Lưu VT, thư ký Công ty.

NGUYỄN TRỌNG TRUNG

Mã số dự họp:



00

HEM CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông/Người Đại diện:

NGUYỄN VĂN A

MẪU

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/
GĐKDN:

123456789

Số cổ phần biểu quyết (CP):

000